



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
LÝ TƯ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG CHUYÊN NGHIỆP BỔ SUNG ĐỢT 1
XÉT TUYỂN DỰA VÀO KẾT QUẢ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2016**

Số HS	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên Huyện	Tên tỉnh	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm xét tuyển sinh	Tên ngành	Kết quả
265	QST000200	Đỗ Quang Anh	08/11/1998	Nam	Huyện An Lão	Hải Phòng		3	12.6	0	12.5	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
226	QSB000418	Nguyễn Việt Anh	16/11/1998	Nam	Huyện Văn Giang	Hưng Yên		3	17.7	0	17.75	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
266	LPS000303	Nguyễn Gia Bảo	08/12/1996	Nam	Huyện Bình Đại	Bến Tre		2NT	16.2	1	17.25	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
303	DQN000489	Nguyễn Ngọc Cẩn	13/09/1998	Nam	Thị xã An Nhơn	Bình Định		2	17.6	0.5	18	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
278	DQN000674	Nguyễn Văn Chuẩn	22/06/1998	Nam	Huyện Phù Cát	Bình Định		2NT	16.25	1	17.25	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
228	TKG001068	Phạm Thế Đại	13/09/1998	Nam	Huyện Tân Hiệp	Kiên Giang		2NT	13.7	1	14.75	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
227	TTG001670	Mai Nguyễn Tiến Đạt	22/08/1998	Nam	Huyện Gò Công Tây	Tiền Giang		2NT	14.1	1	15	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
232	TDL001756	Nguyễn Lê Thành Đạt	08/01/1998	Nam	Huyện Lâm Hà	Lâm Đồng		1	12.25	1.5	13.75	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
258	DQN001018	Trần Thị Mỹ Diễm	12/04/1998	Nữ	Huyện Phù Cát	Bình Định		2NT	15.35	1	16.25	Công nghệ May	Đạt
304	QSB002519	Phạm Văn Đồng	10/02/1998	Nam	Quận 12	Tp. Hồ Chí Minh		3	17.45	0	17.5	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
235	YCT001566	Phạm Ngọc Đức	22/07/1998	Nam	Thành phố Cà Mau	Cà Mau		1	17.9	1.5	19.5	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
279	QSB002638	Võ Ngọc Đức	30/08/1997	Nam	Quận 12	Tp. Hồ Chí Minh		3	14.83	0	14.75	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
260	SPK001781	Nguyễn Trọng Đức	28/02/1998	Nam	Huyện Hàm Thuận Bắc	Bình Thuận		2NT	13.9	1	15	Công nghệ Thông tin	Đạt
280	HUI002880	Nguyễn Ngọc Hải	24/04/1998	Nam	Thị xã Long Khánh	Đồng Nai		2	14.23	0.5	14.75	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
244	TDL002416	Bùi Đình Hào	27/08/1998	Nam	Huyện Lâm Hà	Lâm Đồng		1	15	1.5	16.5	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
305	QSB003378	Văn Phú Hậu	24/05/1998	Nam	Quận 12	Tp. Hồ Chí Minh		3	16.7	0	16.75	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt

Số HS	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên Huyện	Tên tỉnh	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm xét tuyển sinh	Tên ngành	Kết quả
300	TKG001750	Nguyễn Trí Hiếu	02/02/1997	Nam	Thành phố Rạch Giá	Kiên Giang		2	15.8	0.5	16.25	Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt	Đạt
281	SPS004477	Nguyễn Trọng Hiếu	16/06/1997	Nam	Quận Tân Phú	Tp. Hồ Chí Minh		3	15.2	0	15.25	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
225	QSB004004	Nguyễn Việt Hoàng	16/11/1998	Nam	Huyện Văn Giang	Hưng Yên		3	16.75	0	16.75	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
267	TDL003342	Lê Đức Huy Hùng	21/08/1998	Nam	Huyện Hoài Ân	Bình Định		1	10.63	1.5	12.25	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
236	QSB004241	Trương Thanh Hùng	29/05/1998	Nam	Quận Bình Tân	Tp. Hồ Chí Minh		3	13.88	0	14	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
269	HUI004684	Lê Hưng	27/01/1998	Nam	Huyện Thống Nhất	Đồng Nai		1	12.7	1.5	14.25	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
270	TTG003231	Nguyễn Hoàng Khải Hưng	27/07/1998	Nam	Huyện Cai Lậy	Tiền Giang		2NT	14.25	1	15.25	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
238	QSB004386	Nguyễn Phạm Quốc Huy	07/09/1998	Nam	Quận 12	Tp. Hồ Chí Minh		3	15.7	0	15.75	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
254	QSB004269	Đinh Quý Gia Huy	02/02/1998	Nam	Thị xã La Gi	Bình Thuận		3	16.7	0	16.75	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
282	QSB004405	Nguyễn Thiện Huy	03/02/1998	Nam	Huyện Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh		2	14.4	0.5	15	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
268	QSX003893	Phạm Trần Hoàng Huy	14/05/1998	Nam	Quận Bình Thạnh	Tp. Hồ Chí Minh		3	12.88	0	13	Công nghệ Thông tin	Đạt
255	KSA003328	Phạm Minh Khôi	22/08/1998	Nam	Huyện Chơn Thành	Bình Phước		1	13.7	1.5	15.25	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
277	QSX004660	Trần Đăng Khôi	30/12/1998	Nam	Quận Tân Bình	Tp. Hồ Chí Minh		3	16.65	0	16.75	Công nghệ Thông tin	Đạt
284	HUI005212	Mai Văn Khương	05/09/1998	Nam	Huyện Tân Phú	Đồng Nai		1	16.05	1.5	17.5	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
240	KSA003473	Vương Thị Lan	12/04/1998	Nữ	Huyện Bù Đăng	Bình Phước	01	1	14.35	3.5	17.75	Công nghệ May	Đạt
271	HUI005509	Đinh Gia Liêm	08/10/1998	Nam	Huyện Thống Nhất	Đồng Nai		2NT	14.2	1	15.25	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
256	SPK004510	Nguyễn Văn Linh	10/10/1996	Nam	Huyện Tuy Phong	Bình Thuận		2NT	13.3	1	14.25	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
247	DCT002858	Đặng Thị Khánh Linh	12/12/1998	Nữ	Huyện Tân Biên	Tây Ninh		2NT	18.6	1	19.5	Công nghệ May	Đạt
285	DQN005215	Đỗ Thành Long	18/12/1998	Nam	Thị xã An Nhơn	Bình Định		2	11.75	0.5	12.25	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
283	SGD004807	Nguyễn Hoàng Long	18/01/1997	Nam	Huyện Cần Đước	Long An		2NT	11.65	1	12.75	Công nghệ Thông tin	Đạt
272	SGD004959	Nguyễn Văn Luân	14/08/1998	Nam	Huyện Đức Huệ	Long An		2NT	14.15	1	15.25	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt

Số HS	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên Huyện	Tên tỉnh	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm xét tuyển sinh	Tên ngành	Kết quả
306	SPK005002	Nguyễn Văn Mẫn	27/02/1998	Nam	Thị xã La Gi	Bình Thuận		2	18.4	0.5	19	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
259	DCT003353	Phạm Hữu Mạnh	08/02/1998	Nam	Huyện Tân Biên	Tây Ninh		2NT	12.70	1	13.7	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
286	SGD005259	Phạm Hùng Minh	16/03/1998	Nam	Huyện Cần Giuộc	Long An		2NT	14.45	1	15.5	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
291	SPS008427	Nguyễn Thành Nam	21/06/1997	Nam	Quận 10	Tp. Hồ Chí Minh		3	14.6	0	14.5	Công nghệ Thông tin	Đạt
233	SGD005550	Nguyễn Thanh Ngân	01/04/1998	Nam	Huyện Đức Hòa	Long An		2NT	15.25	1	16.25	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
273	DQN006364	Lê Hữu Nghĩa	12/02/1998	Nam	Thị xã An Nhơn	Bình Định		2	14.65	0.5	15.25	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
287	SPS009275	Phạm Văn Ngôn	03/09/1998	Nam	Huyện Bình Chánh	Tp. Hồ Chí Minh		3	12.35	0	12.25	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
307	TDL006100	Nguyễn Ngọc Trần Nguyên	20/09/1998	Nam	Huyện Đức Trọng	Lâm Đồng		1	14.33	1.5	15.75	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
299	QSB007818	Cao Thị Nguyệt	22/11/1993	Nữ	Huyện Tiên Lãng	Hải Phòng		2	13.3	0.5	13.75	Công nghệ Thông tin	Đạt
313	DQN007466	Bùi Thị Mỹ Nương	20/08/1998	Nữ	Huyện Phù Cát	Bình Định		2NT	14.38	1	15.5	Công nghệ May	Đạt
288	SPS011336	Phạm Văn Phụng	27/10/1998	Nam	Huyện Hưng Hà	Thái Bình		2	18.15	0.5	18.75	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
289	SGD007696	Ngô Thanh Phương	04/05/1997	Nam	Huyện Đức Hòa	Long An		2NT	13.15	1	14.25	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
301	DDS005881	Nguyễn Tấn Quang	12/10/1998	Nam	Huyện Đức phở	Quảng Ngãi		1	13.65	1.5	15.25	Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt	Đạt
250	GTS001993	Hoàng Nhật Quang	03/05/1998	Nam	Huyện Ninh Sơn	Ninh Thuận		1	13.5	1.5	15	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
243	DDS006143	Lê Hồng Sa	17/10/1998	Nam	Huyện Mộ Đức	Quảng Ngãi		2NT	15.1	1	16	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
308	SGD008254	Phan Văn Sang	17/04/1996	Nam	Huyện Đức Hòa	Long An		2NT	14.2	1	15.25	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
290	TTN011478	Nguyễn Quốc Sĩ	06/12/1997	Nam	Thành phố Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk		1	12.65	1.5	14.25	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
292	TDL007741	K' Nguyễn Ngọc Trường Sơn	09/10/1998	Nam	Huyện Bảo Lâm	Lâm Đồng	01	1	9.25	3.5	12.75	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
231	HUI010030	Trần Minh Tâm	10/09/1998	Nam	Huyện Thống Nhất	Đồng Nai		2NT	16.3	1	17.25	Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt	Đạt
223	SPS012942	Vũ Hoàng Tâm	17/09/1998	Nam	Quận 10	Tp. Hồ Chí Minh		3	13.45	0	13.5	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
293	SPS012964	Lương Hoàng Tân	08/09/1998	Nam	Quận 6	Tp. Hồ Chí Minh		3	15.65	0	15.75	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt

Số HS	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên Huyện	Tên tỉnh	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm xét tuyển sinh	Tên ngành	Kết quả
237	DCT005566	Phạm Hữu Tấn	05/05/1997	Nam	Huyện Hòa Thành	Tây Ninh		2NT	13.8	1	14.75	Công nghệ Thông tin	Đạt
239	SPK007828	Lê Quốc Thái	14/05/1998	Nam	Huyện Đức Linh	Bình Thuận		1	15.1	1.5	16.5	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
294	SPS013825	Nguyễn Việt Thắng	13/05/1998	Nam	Quận 10	Tp. Hồ Chí Minh		3	15.1	0	15	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
249	SPK008020	Võ Văn Thành	22/05/1998	Nam	Huyện Tuy Phong	Bình Thuận		2NT	18.05	1	19	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
309	SPK008079	Lê Ngô Phi Thảo	16/06/1998	Nam	Huyện Đức Linh	Bình Thuận		1	14.4	1.5	16	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
248	XDT007637	Nguyễn Đăng Thi	13/07/1998	Nam	Huyện Đông Hòa	Phú Yên		2NT	16.1	1	17	Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt	Đạt
275	TDL008628	Phạm Đình Thiên	05/01/1998	Nam	Huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	01	1	8.65	3.5	12.25	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
274	TDL008663	Nguyễn Hữu Thiện	16/09/1998	Nam	Thành phố Bảo Lộc	Lâm Đồng		1	15.45	1.5	17	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
302	SPD006562	Nguyễn Hữu Thịnh	14/12/1998	Nam	Thành phố Cao Lãnh	Đồng Tháp		2	16.65	0.5	17.25	Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt	Đạt
245	TTG008919	Lê Thanh Thuận	26/03/1997	Nam	Huyện Cai Lậy	Tiền Giang		2NT	12.95	1	14	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt
229	SPK008744	Nguyễn Văn Thuận	25/02/1997	Nam	Huyện Tuy Phong	Bình Thuận		2NT	11.55	1	12.5	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
295	TTN013306	Lê Duy Thung	10/03/1998	Nam	Huyện Ea Kar	Đắk Lắk		1	17.95	1.5	19.5	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
296	TTN013738	Lê Văn Thương	05/07/1998	Nam	Huyện Krông Pắc	Đắk Lắk		1	15.5	1.5	17	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
251	TDL009100	Nguyễn Cao Thụy	01/04/1998	Nam	Huyện Bảo Lâm	Lâm Đồng		1	11.6	1.5	13	Công nghệ May	Đạt
311	DDS007517	Võ Đình Thuyên	10/01/1998	Nam	Huyện Bình Sơn	Quảng Ngãi		2NT	15.4	1	16.5	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
230	QSB012510	Nguyễn Văn Tiến	10/02/1998	Nam	Huyện Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh		2	12.2	0.5	12.75	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
310	QSX011177	Bùi Đức Tín	10/01/1998	Nam	Quận 10	Tp. Hồ Chí Minh		3	12.88	0	13	Công nghệ Thông tin	Đạt
297	SPD007241	Lưu Trần Tinh	15/04/1998	Nam	Thành phố Sa Đéc	Đồng Tháp		2	13.5	0.5	14	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
315	QST014203	Mai Thị Thùy Trang	25/02/1998	Nữ	Huyện Nhơn Trạch	Đồng Nai		3	13.55	0	13.5	Công nghệ Thông tin	Đạt
314	QSB013163	Đỗ Minh Trí	24/02/1998	Nam	Huyện Hóc Môn	Tp. Hồ Chí Minh		2	11.45	0.5	12	Công nghệ May	Đạt
276	QSB013272	Phạm Hải Triều	22/09/1996	Nam	Quận 12	Tp. Hồ Chí Minh		3	14.85	0	14.75	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Đạt

Số HS	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên Huyện	Tên tỉnh	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Tổng điểm cộng	Điểm xét tuyển sinh	Tên ngành	Kết quả
261	QXS011930	Nguyễn Minh Trọng	20/01/1998	Nam	Quận 11	Tp. Hồ Chí Minh		3	18.88	0	19	Công nghệ Thông tin	Đạt
262	DQN012032	Nguyễn An Trương	19/10/1998	Nam	Huyện Tây Sơn	Bình Định		2NT	16.3	1	17.25	Công nghệ Thông tin	Đạt
312	QXS012181	Nguyễn Xuân Trường	01/03/1998	Nam	Quận 1	Tp. Hồ Chí Minh		3	16.5	0	16.5	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Đạt
222	SPK010254	Hồ Đắc Trường	18/09/1997	Nam	Thị xã La Gi	Bình Thuận		2	12.15	0.5	12.75	Công nghệ Thông tin	Đạt
224	SPS016920	Nguyễn Thanh Tuấn	06/08/1996	Nam	Quận 6	Tp. Hồ Chí Minh		3	12.95	0	13	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
257	SPS016905	Nguyễn Minh Tuấn	13/07/1998	Nam	Huyện Bình Chánh	Tp. Hồ Chí Minh		2	9.5	0.5	10	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
298	DDF002391	Lê Anh Tuấn	08/07/1998	Nam	Thành phố Kon Tum	Kon Tum		1	13.95	1.5	15.5	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Đạt
263	QST015677	Võ Văn Quốc Tuấn	22/09/1998	Nam	Quận Tân Bình	Tp. Hồ Chí Minh		3	17.6	0	17.5	Công nghệ Thông tin	Đạt
264	SGD012383	Nguyễn Thanh Quốc Ý	25/06/1997	Nam	Huyện Mộc Hóa	Long An		1	13.05	1.5	14.5	Công nghệ Thông tin	Đạt

* Tổng cộng danh sách: 88 thí sinh

PHÒNG TS - ĐÀO TẠO - GTVL

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tấn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2016

**HIỆU TRƯỞNG
KIỂM CHỮ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

(Đã ký)

Phạm Hữu Lộc